

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 19-4-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC**  
**TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2024/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Tạ Thị B** năm 1966; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An(Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Võ Thị Kim T** năm 1989; Địa chỉ: Số nhà A, Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà **Tạ Thị B** sau:

Ngày 03/6/2022, bà có cho bà Võ Thị K T400.000.000đ, thời hạn vay 01 năm, mục đích vay là để bà T1. Khi vay tiền, các bên có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng C lãi suất cho vay mặc dù trong hợp đồng không có ghi nhưng giữa bà và bà T2 thuận bằng lời nói là 5%/tháng.

Tuy nhiên khi đến hạn trả tiền vay thì bà T3 hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay. Về tiền lãi, bà thừa nhận có nhận của bà T4 lãi tổng cộng là 30.000.000đ.

Nay do bà Tvi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên bà yêu cầu bà T5 bà số tiền vốn vay còn nợ là 400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 04/6/2023 đến ngày 04/11/2023 là 05 tháng với lãi suất 10%/năm, thành tiền làm tròn là 16.000.000đ.

*2. Bị đơn, bà Võ Thị Kim T6 mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2024 đã trình bày:*

Bà thừa nhận ngày 03/6/2022 tại Văn phòng C có vay của bà Tạ Thị B2.

Nay bà Tạ Thị B3 bà trả 400.000.000đ tiền vốn vay và 16.000.000đ tiền lãi, bà đồng ý trả tổng cộng là 416.000.000đ. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà yêu cầu được trả theo phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000đ vào ngày 30 dương lịch mỗi tháng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Tạ Thị B4 yêu cầu bà Võ Thị Kim T7 tiền vốn vay và tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự về vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà T8 chỉ tại xã L, huyện C, tỉnh Long Anham quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, bà Võ Thị Kim T9 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà B3 bà T400.000.000đ tiền vốn, tại biên bản hòa giải ngày 12/3/2024 bà T10 có vay của bà BKhoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Võ Thị Kim T11 của bà Tạ Thị B5 400.000.000đ. Mặc dù bà T12 trả 400.000.000đ cho bà B6 trả dần mỗi tháng 3.000.000đ, yêu cầu trả dần của bà T13 bà B7. Hơn nữa, sau khi Tòa án hòa giải và ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà T6 mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc bà T5 bà B8 vay 400.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tiền lãi: Hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2022 có ghi thời hạn vay là 12 tháng nhưng không thỏa thuận lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là vay không có lãi. Tuy nhiên do bà T14 phạm thời hạn trả tiền vốn vay nên Hội đồng xét xử buộc bà T5 bà B9 theo lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ sau ngày hết thời hạn của hợp đồng vay là ngày 03/6/2023. Bà B3 bà T4 lãi với lãi suất 0,83%/tháng, tương đương 10%/năm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 04/6/2023 đến ngày 04/11/2023 (thời điểm bà B10 khởi kiện) là có lợi cho bà THội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi được tính làm tròn là 16.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà T4 cho bà B11 bà T15 chịu án phí tính trên số tiền này. Bà B12 chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà B

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị B14: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” với bà Võ Thị Kim T16

Buộc bà Võ Thị Kim T17 bà Tạ Thị B15(Bốn trăm triệu đồng) tiền vốn vay và 16.000.000đ (Mtrệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 416.000.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim T18 20.640.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Tạ Thị B16 chịu án phí, hoàn trả cho bà Tạ Thị B5 tạm ứng án phí đã nộp là 10.320.000đ (Mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai số 9972, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Quốc Dũng**